TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2016/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2016
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1, Bà: Nguyễn Thị Tuyết

2, Ông Đoàn Hùng Tự

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Yến- Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2016 tại Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2016/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2016/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2016 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh NGUYỄN XUÂN H - Sinh năm 1976
Địa chỉ: Trú tại SN 51B, đường 19/5, tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay có mặt

* Bị đơn: Chị NGUYỄN THANH T - Sinh năm 1982
Địa chỉ: Trú tại SN 51B, đường 19/5, tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay có mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau ngày 16/2/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn giữa hai anh chị trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường cãi vã nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân anh công tác trong quân đội thường xuyên phải sống xa nhà, không thường xuyên chăm sóc vợ con được, do vậy chị T cho rằng anh không quan tâm đến vợ con và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ngoài ra chị T từ ngày kết hôn với tôi không quan tâm đến gia đình chồng, không tôn trọng bố mẹ chồng dẫn đến giữa hai bên gia đình thông gia cũng có bất hòa không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

* Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T sinh ngày 21/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 20/5/2011. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu nhỏ là cháu Nguyễn Thị Thùy D vì cháu lớn là Nguyễn Phương T có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Phương T 2.000.000,đ/1tháng.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Về công nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2016 và quá trình tố tụng bị đơn chị T xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ khi chị sinh cháu đầu lòng (năm 2006). Nguyên nhân do anh H không quan tâm tới gia đình và do mâu thuẫn từ phía gia đình nhà chồng, gia đình chồng không coi chị ra gì, thường chửi bới xúc phạm chị, bản thân chị từ ngày lấy anh H quá khổ tự nuôi con, chăm sóc gia đình nhưng anh H không thông cảm quan tâm đến vợ con mà lại nghe bố mẹ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng lớn. Nay anh H xin ly hôn chị chưa nhất trí ly hôn với lý do là vợ chồng chị chưa thỏa thuận xong phần tài sản.

Về con chung: Chị T xác nhận anh chị có 02 như anh H trình bày, ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu nhỏ là Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 20/5/2011. Giao cháu Nguyễn Phương T cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hòa giải để hướng các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhưng các bên không

thỏa thuận được anh H kiên quyết xin ly hôn, chị T không nhất trí ly hôn vì cho rằng vợ chồng chưa thỏa thuận xong phần tài sản.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết việc ly hôn, về con chung anh nhất trí giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng theo quan điểm chị T về việc nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho cả hai con chung với số tiền 2.000.000,đ/1cháu/1tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bị đơn chị T giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn và cho rằng vẫn còn yêu thương chồng và vì các con, về con chung chị T cho rằng đến khi ly hôn chị sẽ đề nghị nuôi cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn với nhau ngày 16/2/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng Hội đồng xét xử xét thấy đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng thường xảy ra việc vã lẫn nhau, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng, anh H cũng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, sau đó anh đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, cải thiện quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng đến nay vẫn không cải thiện được. Nay anh H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với chị T được nữa, nên kiên quyết được ly hôn với chị T. Về phía chị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu, nhưng vì phần tài sản chung chưa thỏa thuận xong nên chị không đồng ý ly hôn, tại phiên tòa chị T lại cho rằng chị không nhất trí ly hôn vì vẫn còn thương yêu chồng và vì các con, khi nào Tòa án giải quyết lần sau chị sẽ đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H. Xử cho anh H ly hôn chị Nguyễn Thanh T.

* Về con chung:

Anh H và chị T cùng xác nhận có 02 con chung cháu Nguyễn Phương T sinh ngày 21/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 20/5/2011. Tại phiên tòa chị T có quan điểm ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh H nhất trí giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho cả hai con chung với số tiền 2.000.000,đ/1cháu/1tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Do vậy giao các cháu Nguyễn Phương T sinh ngày 21/9/2006, Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 20/5/2011 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung với số tiền 2.000.000,đ/1cháu/1tháng với phương thức định kỳ hàng tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh lệ phí, án phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn đề nghị của anh Nguyễn Xuân H về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

- Xử cho anh Nguyễn Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Giao các cháu Nguyễn Phương T sinh ngày 21/9/2006, Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 20/5/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T, cháu D với số tiền 2.000.000,đ/1cháu/1tháng với phương thức định kỳ hàng tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T, cháu D đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết .

Về công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 200.000,đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, và án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000,đ *(Hai trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng là 400.000,đ *(Bốn trăm nghìn đồng)*. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số: 00089 ngày 14 tháng 4 năm 2016. Anh H còn phải thi hành số tiền là 200.000,đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/7/2016).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh
-VKSND TP
-Các đương sự
- UBND xã T
-THA
- Lưu.

Hoàng Thị Vân